

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7 - 8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 42

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các Tỉnh/Thành phố khác tại Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên
Ông Phạm Thứ Triệu	Thành viên
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên
Bà Hà Lan Anh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng ban	
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên	
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Khái	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2024

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Bùi Hữu Hiền	Tổng Giám đốc	
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 3 tháng 3 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Bùi Hữu Hiền.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Đại diện Ban Tổng Giám đốc:



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 12210159/67745218-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") và công ty con (sau đây được gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 42, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

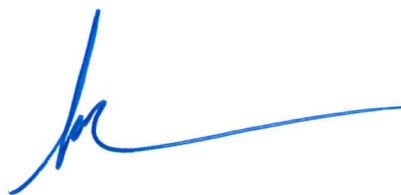
Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam




Nguyễn Hồ Khánh Tân
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 3458-2025-004-1



Ngô Đức Nhật
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 5627-2025-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.933.714.163.459	1.949.073.848.510
110	I. Tiền		21.918.032.395	50.493.258.886
111	1. Tiền	4	21.918.032.395	50.493.258.886
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.012.314.639.678	1.024.822.468.297
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	981.808.523.031	957.037.332.290
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	18.251.158.959	21.803.253.328
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	48.007.819.080	70.943.454.859
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(35.752.861.392)	(24.961.572.180)
140	III. Hàng tồn kho	8	885.384.170.267	860.259.783.505
141	1. Hàng tồn kho		890.906.558.017	864.656.693.422
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.522.387.750)	(4.396.909.917)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		14.097.321.119	13.498.337.822
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	1.090.909.101	1.887.324.725
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		13.006.412.018	11.602.759.913
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	8.253.184
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		200.960.076.863	211.934.844.317
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		650.000.000	1.662.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	650.000.000	1.662.000.000
220	II. Tài sản cố định		164.381.212.491	174.770.531.716
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	85.707.370.414	93.216.873.407
222	Nguyên giá		200.228.562.385	198.145.485.999
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(114.521.191.971)	(104.928.612.592)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	78.673.842.077	81.553.658.309
228	Nguyên giá		98.336.207.145	98.342.401.295
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.662.365.068)	(16.788.742.986)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		315.000.000	270.000.001
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	315.000.000	270.000.001
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	33.856.558.900	34.519.918.112
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		4.384.074.177	5.047.433.389
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		29.472.484.723	29.472.484.723
260	V. Tài sản dài hạn khác		1.757.305.472	712.394.488
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	1.757.305.472	712.394.488
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.134.674.240.322	2.161.008.692.827

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.917.466.114.237	1.957.396.081.115
310	I. Nợ ngắn hạn		1.888.267.538.425	1.898.147.861.423
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.1	996.223.876.429	1.075.393.567.677
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14.2	14.815.414.612	27.944.900.536
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1.924.084.965	1.515.282.113
314	4. Phải trả người lao động		9.109.888.013	6.629.222.766
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	3.596.580.335	2.094.054.880
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		49.643.929	49.643.929
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	8.980.244.178	21.795.408.808
320	8. Vay ngắn hạn	18	851.919.198.962	762.725.780.714
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	19	1.648.607.002	-
330	II. Nợ dài hạn		29.198.575.812	59.248.219.692
331	1. Phải trả người bán dài hạn	14.1	-	30.000.000.000
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		198.575.812	248.219.692
338	3. Vay dài hạn	18	29.000.000.000	29.000.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		217.208.126.085	203.612.611.712
410	I. Vốn chủ sở hữu		217.208.126.085	203.612.611.712
411	1. Vốn cổ phần	20.1	182.700.000.000	182.700.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		182.700.000.000	182.700.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu	20.1	-	213.663.933
415	3. Cổ phiếu quỹ	20.1	(586.200.000)	(586.200.000)
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	20.1	-	(8.843.840.445)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển	20.1	9.071.115.794	9.071.115.794
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	20.1	26.023.210.291	20.564.637.841
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		11.460.237.841	13.567.884.950
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		14.562.972.450	6.996.752.891
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	21	-	493.234.589
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.134.674.240.322	2.161.008.692.827

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025

Chu Thị Bích Hồng
Người lập

Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng

Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.215.977.580.908	3.089.290.341.810
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(7.297.762.661)	(25.260.290.268)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	3.208.679.818.247	3.064.030.051.542
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(2.972.775.353.254)	(2.854.066.243.219)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		235.904.464.993	209.963.808.323
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	27.093.233.957	37.436.756.804
22 23	7. Chi phí tài chính Trong đó: Chi phí lãi vay	25	(58.629.896.889) (39.107.005.426)	(60.876.555.059) (53.181.803.414)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết	13.1	(663.359.212)	48.262.106
25	9. Chi phí bán hàng	24	(126.149.961.420)	(115.938.626.850)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(49.865.890.101)	(54.698.237.214)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		27.688.591.328	15.935.408.110
31	12. Thu nhập khác	26	840.740.363	508.561.286
32	13. Chi phí khác	26	(1.322.156.492)	(2.551.607.132)
40	14. Lỗ khác	26	(481.416.129)	(2.043.045.846)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.207.175.199	13.892.362.264
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(8.137.437.338)	(4.703.182.370)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN		19.069.737.861	9.189.179.894

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		19.069.737.861	9.305.449.866
62	19. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát		-	(116.269.972)
70	20. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.5	773	384
71	21. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.5	773	384

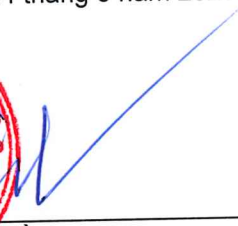
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025


Chu Thị Bích Hồng
Người lập


Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng




Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		27.207.175.199	13.892.362.264
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	14.529.146.019	14.757.250.271
03	Dự phòng		12.271.760.727	14.262.315.713
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		2.966.519.100	1.788.542.492
05	Lỗi (lãi) thuần từ hoạt động đầu tư		8.888.288.719	(295.488.391)
06	Chi phí lãi vay	25	39.107.005.426	53.181.803.414
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		104.969.895.190	97.586.785.763
09	Giảm các khoản phải thu		1.367.508.668	67.550.690.251
10	Tăng hàng tồn kho		(26.604.858.277)	(124.228.974.295)
11	Giảm các khoản phải trả		(132.978.631.639)	(19.923.380.884)
12	Tăng chi phí trả trước		(248.495.360)	(933.050.495)
14	Tiền lãi vay đã trả		(39.973.726.309)	(52.658.956.327)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.890.011.494)	(4.832.589.898)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(3.351.392.998)	(3.681.790.001)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(104.709.712.229)	(41.121.265.886)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(4.579.614.786)	(3.402.794.347)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		770.229.674	505.414.768
27	Lãi tiền gửi		29.805.324	48.152.210
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.779.579.788)	(2.849.227.369)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	18	2.612.693.397.228	2.403.455.189.446
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(2.523.499.978.980)	(2.326.475.236.407)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(9.021.075.311)	(12.742.265.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		80.172.342.937	64.237.688.039
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(28.316.949.070)	20.267.194.784
60	Tiền đầu năm	4	50.493.258.886	30.871.217.120
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(258.277.421)	(645.153.018)
70	Tiền cuối năm	4	21.918.032.395	50.493.258.886

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025


Chu Thị Bích Hồng
Người lập


Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng


Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 0300483319 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 8 năm 2010, và theo các GCNĐKDN điều chỉnh.

Ngày 11 tháng 6 năm 2015, Công ty được cổ phần hóa theo Quyết định số 2254/QĐ-BYT của Bộ Y Tế. Việc cổ phần hóa đã được SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh đồng thuận bằng việc cấp GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 9 ngày 4 tháng 1 năm 2016.

Ngày 6 tháng 7 năm 2018, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết với mã chứng khoán CDP.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 262L Đường Lê Văn Sỹ, Phường 14, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có sáu (6) chi nhánh tọa lạc tại các tỉnh/thành phố khác tại Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 403 (31 tháng 12 năm 2023: 513).

Công ty có một công ty con, Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào ("Codupha-Lào") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 053-04 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Lào cấp ngày 31 tháng 5 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh. Codupha-Lào có trụ sở chính tại số 253, đường Vieng Chaluen, Quận Saysetta, Thủ đô Vientiane, Lào. Hoạt động chính trong năm hiện tại của Codupha-Lào là sản xuất và kinh doanh dược phẩm. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty nắm 93.7% quyền biểu quyết trong công ty con này, và cũng tại ngày này, Công ty đang làm thủ tục đấu giá công khai để chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và chi phí liên quan trực tiếp để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 *Tài sản cố định vô hình*

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Công ty mua hoặc thuê. Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45").

Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là lâu dài hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được khấu hao theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất lâu dài thì không được khấu hao.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	6 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	4 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	30 - 50 năm
Phần mềm máy tính	10 năm

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí mua sắm mới tài sản chưa được lắp đặt xong hoặc chi phí xây dựng cơ bản chưa được hoàn thành. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí vay đủ điều kiện được vốn hóa.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Nhóm Công ty là bên cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 *Hợp nhất kinh doanh*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Nhóm Công ty. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chuyển đổi báo cáo tài chính của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND, cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính, được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch, hoặc tỷ giá bình quân nếu tỷ giá bình quân chênh lệch không quá 2% so với tỷ giá tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi khoản đầu tư được thanh lý.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang làm thủ tục đấu giá công khai để chuyển nhượng cổ phần tại Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào. Do đó, khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con đã được Nhóm Công ty đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị Công ty.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Nhóm Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp cho kỳ hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế

- đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.20 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động sản xuất và kinh doanh dược phẩm chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Nhóm Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc tin rằng Nhóm Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất kinh doanh dược phẩm và các dụng cụ y tế.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	350.684.388	849.519.343
Tiền gửi ngân hàng	21.567.348.007	49.643.739.543
TỔNG CỘNG	21.918.032.395	50.493.258.886

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ khách hàng	981.808.523.031	957.037.332.290
Công ty TNHH Dược phẩm An Vương	177.271.677.134	28.879.989.375
Công ty TNHH Dược phẩm Khun Thắng	102.299.153.275	89.747.415.885
Khác	702.237.692.622	838.409.927.030
Dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7)	(31.616.948.811)	(20.744.680.332)
GIÁ TRỊ THUẦN	950.191.574.220	936.292.651.958

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tasly Pharmaceutical Group Co., Ltd	5.633.250.000	-
Prime Pharmaceuticals Ltd – India	4.425.294.690	1.818.575.291
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ VMED	3.257.163.000	-
Brawn Laboratories Ltd	-	6.550.781.250
Piramal Pharma Ltd	-	3.243.555.176
Các công ty khác	4.935.451.269	10.190.341.611
TỔNG CỘNG	18.251.158.959	21.803.253.328
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)	(278.011.205)	(508.336.405)
GIÁ TRỊ THUẦN	17.973.147.754	21.294.916.923

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	48.007.819.080	70.943.454.859
Phải thu từ hỗ trợ bán hàng	29.164.537.400	27.797.482.028
Tiền hàng ủy thác nhập khẩu	5.301.389.853	18.152.997.664
Tạm ứng cho nhân viên	3.730.080.545	1.325.660.262
Ký quỹ, ký cược	2.021.096.333	1.779.218.047
Lãi phạt trả chậm	1.372.947.026	16.235.169.910
Khác	6.417.767.923	5.652.926.948
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu bên khác</i>	<i>48.007.819.080</i>	<i>70.642.051.127</i>
<i>Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 29)</i>	<i>-</i>	<i>301.403.732</i>
Dài hạn	650.000.000	1.662.000.000
Ký quỹ, ký cược	650.000.000	1.662.000.000
TỔNG CỘNG	48.657.819.080	72.605.454.859
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi (Thuyết minh số 7)	(3.857.901.376)	(3.708.555.443)
GIÁ TRỊ THUẦN	44.799.917.704	68.896.899.416

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. NỢ QUÁ HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm			VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	Giá trị	Dự phòng	Giá trị thuần	
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	41.863.155.512	(31.616.948.811)	10.246.206.701	43.582.330.998	(20.744.680.332)	22.837.650.666	
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mì Nguyễn	19.954.092.956	(14.675.102.753)	5.278.990.203	20.385.362.610	(10.438.087.684)	9.947.274.926	
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hiệp Bách Niên	5.183.291.111	(2.436.511.787)	2.746.779.324	8.909.397.760	-	8.909.397.760	
Công ty TNHH Dược phẩm Kim Châu	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	4.086.849.776	(4.086.849.776)	-	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	2.908.892.308	(2.908.892.308)	-	
Trung tâm Y tế Quận 10	1.046.839.544	(1.046.839.544)	-	1.072.687.095	-	1.072.687.095	
Các khách hàng khác	8.683.189.817	(6.462.752.643)	2.220.437.174	6.219.141.449	(3.310.850.564)	2.908.290.885	
Phải thu ngắn hạn khác	3.914.610.839	(3.857.901.376)	56.709.463	3.914.610.839	(3.708.555.443)	206.055.396	
Công ty Cổ phần Dược và Thiết bị Y tế An Phát	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	2.610.867.617	(2.610.867.617)	-	
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Vật liệu Xây dựng Hải Đăng Koko	816.000.000	(816.000.000)	-	816.000.000	(816.000.000)	-	
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Mì Nguyễn	487.743.222	(431.033.759)	56.709.463	487.743.222	(281.687.826)	206.055.396	
Trả trước cho người bán ngắn hạn	278.011.205	(278.011.205)	-	508.336.405	(508.336.405)	-	
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Hoàng An	278.011.205	(278.011.205)	-	508.336.405	(508.336.405)	-	
TỔNG CỘNG	46.055.777.556	(35.752.861.392)	10.302.916.164	48.005.278.242	(24.961.572.180)	23.043.706.062	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

7. NỢ QUÁ HẠN (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn của khách hàng, trả trước cho người bán ngắn hạn và phải thu ngắn hạn khác được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	24.961.572.180	13.016.519.327
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	11.595.002.339	12.983.335.475
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(803.713.127)	(1.038.282.622)
Số cuối năm	<u>35.752.861.392</u>	<u>24.961.572.180</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	855.487.896.708	719.678.325.209
Hàng mua đang đi đường	<u>35.418.661.309</u>	<u>144.978.368.213</u>
TỔNG CỘNG	890.906.558.017	864.656.693.422
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	<u>(5.522.387.750)</u>	<u>(4.396.909.917)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>885.384.170.267</u>	<u>860.259.783.505</u>

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Nhóm Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trình bày như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.396.909.917	8.548.617.873
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	7.932.773.105	4.372.372.021
Trừ: Sử dụng dự phòng trong năm	(354.993.682)	(6.468.970.816)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(6.452.301.590)</u>	<u>(2.055.109.161)</u>
Số cuối năm	<u>5.522.387.750</u>	<u>4.396.909.917</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.090.909.101	1.887.324.725
Chi phí thuê	1.090.909.101	1.454.312.450
Khác	-	433.012.275
Dài hạn	1.757.305.472	712.394.488
Chi phí bảo trì, sửa chữa	<u>1.757.305.472</u>	<u>712.394.488</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.848.214.573</u>	<u>2.599.719.213</u>

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị dụng cụ quân lý	Tài sản cố định khác	VND Tổng cộng
Nguyên giá:						
Số đầu năm	101.848.728.915	52.544.556.071	40.312.400.199	3.101.379.981	338.420.833	198.145.485.999
Mua mới trong năm	-	1.374.539.976	2.836.686.667	323.388.144	-	4.534.614.787
Thanh lý	-	-	(2.331.219.308)	-	-	(2.331.219.308)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	(57.109.903)	(43.448.683)	(17.036.105)	-	(2.724.402)	(120.319.093)
Số cuối năm	101.791.619.012	53.875.647.364	40.800.831.453	3.424.768.125	335.696.431	200.228.562.385
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	13.011.501.174	5.764.045.282	16.768.192.409	2.317.678.073	335.696.431	38.198.203.130
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Số đầu năm	38.642.099.810	35.270.129.878	27.715.447.873	2.962.514.198	338.420.833	104.928.612.592
Khấu hao trong năm	4.367.050.200	4.978.468.346	2.222.458.061	81.353.180	-	11.649.329.787
Thanh lý	-	-	(1.936.431.315)	-	-	(1.936.431.315)
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo sang VND	(57.109.903)	69.726.525	(25.835.063)	(104.376.250)	(2.724.402)	(120.319.093)
Số cuối năm	42.952.040.107	40.318.324.749	27.975.639.556	2.939.491.128	335.696.431	114.521.191.971
Giá trị còn lại:						
Số đầu năm	63.206.629.105	17.274.426.193	12.596.952.326	138.865.783	-	93.216.873.407
Số cuối năm	58.839.578.905	13.557.322.615	12.825.191.897	485.276.997	-	85.707.370.414

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:			
Số đầu năm	95.554.819.476	2.787.581.819	98.342.401.295
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	(4.603.969)	(1.590.181)	(6.194.150)
Số cuối năm	95.550.215.507	2.785.991.638	98.336.207.145
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	1.026.455.198	164.025.638	1.190.480.836
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	15.531.637.505	1.257.105.481	16.788.742.986
Hao mòn trong năm	2.539.673.028	340.143.204	2.879.816.232
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi sang VND	(4.603.969)	(1.590.181)	(6.194.150)
Số cuối năm	18.066.706.564	1.595.658.504	19.662.365.068
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	80.023.181.971	1.530.476.338	81.553.658.309
Số cuối năm	77.483.508.943	1.190.333.134	78.673.842.077

Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tọa lạc tại 132A, đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ để đảm bảo các khoản vay ngân hàng.

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

		VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phần mềm quản lý hàng tồn kho và bán hàng	165.000.000	99.000.001
Khác	150.000.000	171.000.000
TỔNG CỘNG	315.000.000	270.000.001

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.1)	4.384.074.177	5.047.433.389
Đầu tư vào các đơn vị khác (Thuyết minh số 13.2)	29.472.484.723	29.472.484.723
TỔNG CỘNG	33.856.558.900	34.519.918.112

13.1 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị ghi sổ VND
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Phân phối thuốc	30	4.384.074.177	30	5.047.433.389

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	VND
	Số tiền
Giá gốc đầu tư:	
Số đầu năm và số cuối năm	3.520.408.664
Phản lũy kế lợi nhuận sau khi mua công ty liên kết:	
Số đầu năm	1.527.024.725
Phần lỗ từ công ty liên kết trong năm	(663.359.212)
Số cuối năm	863.665.513
Giá trị ghi sổ:	
Số đầu năm	5.047.433.389
Số cuối năm	4.384.074.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào đơn vị khác

Chi tiết khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		Tỷ lệ % sở hữu	Giá gốc (VND)	Tỷ lệ % sở hữu	Giá gốc (VND)
Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (*)	Bất động sản	3.68	22.983.000.000	3.68	22.983.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương (*)	Bất động sản	3.82	6.017.000.000	3.82	6.017.000.000
Công ty Cổ phần Dược và Dịch vụ Thương mại Tuyên Quang	Phân phối thuốc	0.86	472.484.723	0.86	472.484.723
TỔNG CỘNG			29.472.484.723		29.472.484.723

(*) Như đã trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Nhóm Công ty đã thế chấp toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương để đảm bảo cho các khoản vay.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các đơn vị khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 do chưa thu thập được đầy đủ thông tin thị trường. Tuy nhiên, dựa vào tình hình hoạt động hiện tại của các công ty này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

14.1 Phải trả người bán

	VND	
	Số cuối năm/Số có khả năng trả nợ	Số đầu năm/Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	996.223.876.429	1.075.393.567.677
Phải trả các bên khác	994.921.054.894	1.074.208.305.965
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	228.034.625.325	289.484.276.110
Các công ty khác	766.886.429.569	784.724.029.855
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	1.302.821.535	1.185.261.712
Dài hạn	-	30.000.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Hisamitsu Việt Nam	-	30.000.000.000
TỔNG CỘNG	996.223.876.429	1.105.393.567.677

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC (tiếp theo)

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Dược	3.456.503.079	566.103.600
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Trường Tồn	3.378.237.903	-
Công ty TNHH Dược phẩm Á Mỹ	2.072.402.180	15.968.616.932
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng các Công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Trà Vinh	1.872.839.020	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Nhân Khoa Sài Gòn	1.090.991.078	1.726.264.499
Ban Quản lý Dự án 1 tỉnh Sóc Trăng	-	3.479.000.000
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng và Khu vực Phát triển Đô thị tỉnh An Giang	-	2.261.533.002
Các công ty khác	2.944.441.352	3.943.382.503
TỔNG CỘNG	14.815.414.612	27.944.900.536

15. THUẾ

	VND	
	Số đầu năm	Số cuối năm
	Phải thu	Phải trả
Thuế giá trị gia tăng - hàng nội địa	-	-
Thuế giá trị gia tăng - hàng nhập khẩu	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(5.386.196)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(3.137.587)
Thuế thu nhập cá nhân	-	(1.548.860.088)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	(366.701.094)
Các loại thuế khác	8.253.184	-
TỔNG CỘNG	8.253.184	(1.924.084.965)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.621.250.000	-
Chi phí lãi vay	608.478.997	1.475.199.880
Chi phí nhân viên	487.464.000	-
Khác	879.387.338	618.855.000
TỔNG CỘNG	3.596.580.335	2.094.054.880

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận ủy thác nhập khẩu	6.578.410.880	11.590.768.871
Nhận ký quỹ, ký cược	479.001.586	1.037.156.772
Cổ tức phải trả	123.735.165	40.410.476
Khác	1.799.096.547	9.127.072.689
TỔNG CỘNG	8.980.244.178	21.795.408.808

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY

	Số đầu năm/ Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số có khả năng trả nợ Số cuối năm/ VND
Vay ngắn hạn	762.725.780.714	2.612.693.397.228	(2.523.499.978.980)	851.919.198.962
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 18.1)	756.326.604.712	2.612.693.397.228	(2.517.697.802.980)	851.322.198.960
Vay cá nhân	1.772.000.002	-	(1.175.000.000)	597.000.002
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18.2)	4.627.176.000	-	(4.627.176.000)	-
Vay dài hạn	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
Vay bên khác (Thuyết minh số 18.2)	29.000.000.000	-	-	29.000.000.000
TỔNG CỘNG	791.725.780.714	2.612.693.397.228	(2.523.499.978.980)	880.919.198.962

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY (tiếp theo)

18.2 Vay dài hạn bên khác

Nhóm Công ty thực hiện khoản vay này nhằm tài trợ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương (Thuyết minh số 13.2). Chi tiết như sau:

Công ty	Số cuối năm	Ngày đến hạn	Lãi suất %/ năm	Hình thức đảm bảo (Thuyết minh số 13.2)
Công ty Cổ phần Phát triển Đầu tư Hoa Lâm	29.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2026	-	Toàn bộ cổ phần thuộc quyền sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Đông Dương và Công ty Cổ phần Kingdom Đông Dương
Trong đó: Vay dài hạn	29.000.000.000			

19. QUỸ KHEN THƯỜNG, PHÚC LỢI

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Số đầu năm	-	1.373.093.026	
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.000.000.000	2.308.696.975	
Sử dụng quỹ trong năm	(3.351.392.998)	(3.681.790.001)	
Số cuối năm	1.648.607.002	-	

Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương Codupha

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 *Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
							VND
Năm trước							
Số đầu năm	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(7.883.586.967)	9.071.115.794	20.851.404.950	204.366.397.710
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	9.305.449.866	9.305.449.866
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(7.283.520.000)	(7.283.520.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.308.696.975)	(2.308.696.975)
Khác	-	-	-	(960.253.478)	-	-	(960.253.478)
Số cuối năm	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(8.843.840.445)	9.071.115.794	20.564.637.841	203.119.377.123
Năm nay							
Số đầu năm	182.700.000.000	213.663.933	(586.200.000)	(8.843.840.445)	9.071.115.794	20.564.637.841	203.119.377.123
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	19.069.737.861	19.069.737.861
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	-	-	(9.104.400.000)	(9.104.400.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Khác	-	(213.663.933)	-	8.843.840.445	-	493.234.589	9.123.411.101
Số cuối năm	182.700.000.000	-	(586.200.000)	-	9.071.115.794	26.023.210.291	217.208.126.085

(*) Trong năm, Công ty đã công bố chỉ trả cổ tức từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023 cho các cổ đông hiện hữu của Công ty theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 10/2024/NQ-HĐQT ngày 5 tháng 7 năm 2024 với giá trị là 9.104.400.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư đã góp của các chủ sở hữu		
Số đầu năm và số cuối năm	182.700.000.000	182.700.000.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	9.104.400.000	7.283.520.000
Cổ tức đã trả	9.021.075.311	12.742.265.000

20.3 Cổ phiếu phổ thông

	Cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	18.270.000	18.270.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(61.200)	(61.200)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	18.208.800	18.208.800

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

20.4 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	121.225.000.000	66	121.225.000.000	66
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	34.700.000.000	19	34.700.000.000	19
Các cổ đông khác	26.775.000.000	15	26.775.000.000	15
TỔNG CỘNG	182.700.000.000	100	182.700.000.000	100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

20.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu được tính toán như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	19.069.737.861	9.305.449.866
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	(5.000.000.000)	(2.308.696.975)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (VND)	14.069.737.861	6.996.752.891
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	18.208.800	18.208.800
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	773	384
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu (VND)	773	384

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2024 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2024 theo tờ trình Chủ tịch Hội đồng quản trị ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2023 được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2023 thực tế theo Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2023 được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐTN ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

21. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	VND
	Giá trị
Số đầu năm	493.234.589
Giảm khác	(493.234.589)
Số cuối năm	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU

22.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	3.215.977.580.908	3.089.290.341.810
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	3.175.304.428.785	3.057.321.100.251
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.673.152.123	31.969.241.559
Các khoản giảm trừ doanh thu	(7.297.762.661)	(25.260.290.268)
Hàng bán bị trả lại	(5.446.131.851)	(21.439.313.155)
Chiết khấu thương mại	(1.039.546.397)	(2.637.024.811)
Giảm giá hàng bán	(812.084.413)	(1.183.952.302)
DOANH THU THUẦN	3.208.679.818.247	3.064.030.051.542
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	3.168.006.666.124	3.032.060.809.983
Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.673.152.123	31.969.241.559

22.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán được hưởng	13.786.794.501	11.431.208.624
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện trong năm	9.879.399.083	8.844.013.366
Lãi chậm thanh toán phải thu khách hàng	3.397.235.049	17.113.382.604
Lãi tiền gửi	29.805.324	48.152.210
TỔNG CỘNG	27.093.233.957	37.436.756.804

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng bán	2.969.418.824.523	2.851.521.904.629
Giá vốn dịch vụ cung cấp	1.876.057.216	227.075.730
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.480.471.515	2.317.262.860
TỔNG CỘNG	2.972.775.353.254	2.854.066.243.219

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	126.149.961.420	115.938.626.850
Chi phí nhân viên	70.064.271.881	67.566.170.915
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.450.137.191	15.962.986.121
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.687.712.994	12.616.526.298
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.054.471.333	2.402.923.878
Chi phí bán hàng khác	22.893.368.021	17.390.019.638
Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.865.890.101	54.698.237.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.703.340.340	19.660.540.499
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.791.289.212	11.945.052.853
Chi phí nhân viên quản lý	3.500.765.000	3.648.978.355
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.725.427.309	1.679.106.568
Chi phí dụng cụ quản lý	1.534.417.011	441.185.500
Thuế, phí và lệ phí	64.593.009	133.417.301
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	16.546.058.220	17.189.956.138
TỔNG CỘNG	176.015.851.521	170.636.864.064

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	39.107.005.426	53.181.803.414
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện trong năm (*)	16.556.372.363	5.906.209.153
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm	2.966.519.100	1.788.542.492
TỔNG CỘNG	58.629.896.889	60.876.555.059

(*) Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện trong năm bao gồm 9.470.790.500 VND là khoản kết chuyển lỗ chênh lệch tỷ giá phản ánh lũy kế phát sinh từ việc chuyển đổi báo cáo tài chính của Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào ("Codupha-Lào") đã được ghi nhận vào chi phí tài chính do tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Codupha-Lào đã dừng hoạt động sản xuất kinh doanh và Công ty đang trong quá trình xử lý chuyển nhượng cổ phần tại Codupha-Lào.

26. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	840.740.363	508.561.286
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	375.441.681	199.074.075
Khác	465.298.682	309.487.211
Chi phí khác	1.322.156.492	2.551.607.132
Các khoản phạt	339.644.364	387.912.856
Khác	982.512.128	2.163.694.276
LỖ KHÁC	(481.416.129)	(2.043.045.846)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí hàng hóa	2.969.418.824.523	2.851.521.904.629
Chi phí nhân viên	73.565.036.881	71.215.149.270
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.029.534.747	35.850.602.350
Chi phí khấu hao và hao mòn	14.413.140.303	14.641.244.555
Chi phí dự phòng	12.271.760.727	14.262.315.713
Chi phí khác	43.092.907.594	37.211.890.766
TỔNG CỘNG	3.148.791.204.775	3.024.703.107.283

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 5% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Nhóm Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.828.768.156	4.703.182.370
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	1.308.669.182	-
TỔNG CỘNG	8.137.437.338	4.703.182.370

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	27.207.175.199	13.892.362.264
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.881.273.912	7.777.994.478
Thù lao HĐQT và BKS không chuyên trách	1.282.755.559	1.924.289.155
Khác	436.000.000	144.000.000
	4.162.518.353	5.709.705.323
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.434.379.581)	-
Khác	(1.643.404.974)	-
	(2.790.974.607)	-
Lợi nhuận trước thuế ước tính trong năm	28.654.069.530	21.670.356.742
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế 20%	34.143.840.777	23.515.911.847
Lỗ tính thuế	(5.489.771.247)	(1.845.555.105)
Thuế TNDN hiện hành	6.828.768.156	4.703.182.370
Điều chỉnh thuế TNDN của các năm trước	166.335.920	-
Điều chỉnh nộp theo Biên bản Kiểm toán Nhà nước năm 2023	1.142.333.262	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.137.437.338	4.703.182.370

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Nhóm Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Nhóm Công ty và các bên liên quan có giao dịch với Nhóm Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Công ty mẹ Cổ đông lớn Công ty liên kết Công ty trong cùng tập đoàn/ Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần hóa Dược phẩm Mekophar	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sanofi-Aventis Việt Nam	Công ty có cùng thành viên Hội đồng Quản trị

Những giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cổ tức công bố	6.061.250.000	4.849.000.000
	Cổ tức đã trả	6.061.250.000	8.485.750.000
	Hoàn lại cho thuê kho	-	50.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Cổ tức công bố	1.735.000.000	1.388.000.000
	Cổ tức đã trả	1.735.000.000	2.656.085.000
	Mua hàng hóa	207.966.171	376.769.637
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	305.174.992	389.683.517

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn khác			
Tổng Công ty Dược Việt Nam – Công ty Cổ phần	Cho thuê kho	-	301.403.732
Phải trả người bán ngắn hạn			
Công ty TNHH Y tế Alfresa Codupha Việt Nam	Mua hàng hóa	986.099.722	986.099.722
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung ương 3	Mua hàng hóa	310.250.799	135.772.560
Công ty Cổ phần Dược phẩm Bến Tre	Mua hàng hóa	6.471.014	63.389.430
		1.302.821.535	1.185.261.712

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm như sau:

	Chức vụ	VND	
		Thu nhập Năm nay	Năm trước
Ông Lê Văn Sơn	Chủ tịch HĐQT	1.104.000.000	957.930.000
Ông Bùi Hữu Hiền	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	997.000.000	837.930.000
Bà Đinh Thị Khởi	Phó Tổng Giám đốc đến ngày 3 tháng 3 năm 2025	759.000.000	717.930.000
Ông Phạm Thử Triệu	Thành viên HĐQT	100.000.000	60.000.000
Bà Hà Lan Anh	Thành viên HĐQT	100.000.000	40.000.000
Bà Lữ Thị Khánh Trân	Thành viên HĐQT	100.000.000	10.000.000
Bà Nguyễn Thị Hằng	Trưởng BKS	100.000.000	10.000.000
Ông Trương Chí Thiện	Thành viên BKS	36.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thanh Thanh Bình	Thành viên BKS	28.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Khái	Thành viên BKS	8.000.000	24.000.000
Bà Chu Thị Bích Hồng	Trưởng BKS miễn nhiệm ngày 4 tháng 10 năm 2023	-	404.909.318
TỔNG CỘNG		3.332.000.000	3.086.699.318

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC CAM KẾT

Bên đi thuê

Nhóm Công ty thuê kho và thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	7.420.800.000	8.461.800.000
Trên 1 năm đến 5 năm	14.331.000.000	19.096.800.000
TỔNG CỘNG	21.751.800.000	27.558.600.000

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa nhập khẩu ủy thác giữ hộ bên thứ ba (VND)	57.370.036.754	9.347.191.679
Ngoại tệ :		
Kip Lào (LAK)	990.664	150.798.392
Bath Thái (THB)	62.602	61.158
Đô la Mỹ (USD)	2.501	332.932
Euro (EUR)	1.041	1.187

32. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Doanh thu của Nhóm Công ty chủ yếu đến từ xuất bán hàng hóa nội địa, trong khi doanh thu từ nước ngoài chiếm tỷ lệ rất thấp trong tổng doanh thu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Nhóm Công ty. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Nhóm Công ty là bán buôn và bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Nhóm Công ty. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Vào ngày 6 tháng 2 năm 2025, Tổng Giám đốc của Nhóm Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng phần góp vốn của Công ty tại Công ty TNHH Dược phẩm Codupha-Lào thông qua hình thức đấu giá công khai và đang trong quá trình xử lý các thủ tục hành chính để chuyển giao cho đối tác nhận chuyển nhượng.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 3 năm 2025



Chu Thị Bích Hồng
Người lập



Nguyễn Triệu Ngọc Thuận
Kế toán trưởng



Bùi Hữu Hiền
Tổng Giám đốc

